



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TS. Nguyễn Văn Hòa
TS. Lê Bá Tường



KỶ YẾU

**HỘI NGHỊ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO
CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC TOÀN QUỐC NĂM 2022
(TẬP 2)**



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ
2022



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TS. Nguyễn Văn Hòa
TS. Lê Bá Tường

KỶ YẾU
HỘI NGHỊ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO
CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC TOÀN QUỐC NĂM 2022
(TẬP 2)



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ
2022

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

84. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ TRONG GIAI ĐOẠN BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19 577
*TS. Lê Cát Nguyên, TS. Lê Trần Quang,
ThS. Phạm Đức Thanh, ThS. Nguyễn Đôn Công Uy*
85. HOẠT ĐỘNG THỂ THAO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP 585
ThS. Trịnh Phước Thành, PGS.TS. Nguyễn Đức Thành, ThS. Lê Kim Vũ
86. KHẢO SÁT NHU CẦU THÔNG TIN CỦA HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN TẠI TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VÀ THI ĐẤU THỂ DỤC THỂ THAO TỈNH BẠC LIÊU 593
Tạ Mạnh Cường, Nguyễn Hoàng Minh Thuận
87. XÂY DỰNG MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI..... 601
TS. Đỗ Xuân Duyệt, ThS. Phùng Thị Bích Hằng, ThS. Nguyễn Thị Ngọc
88. NGHIÊN CỨU LỰA CHỌN BÀI TẬP PHÒNG CHỐNG ĐUỐI NƯỚC CHO TRẺ EM TỪ 6 ĐẾN 9 TUỔI TẠI CLB BƠI LỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT ĐÀ NẴNG 608
ThS. Nguyễn Văn Quý
89. NGHIÊN CỨU VẬN DỤNG MỐI LIÊN HỆ ĐỘNG TÁC KỸ THUẬT CỦA CÁC KIEU BƠI VÀO GIẢNG DẠY NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CỦA HỌC PHẦN BƠI LỘI CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC NHA TRANG 614
ThS. Nguyễn Hồ Phong
90. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT – ĐẠI HỌC HUẾ..... 620
*TS. Nguyễn Thế Tình, ThS. Nguyễn Đình Duy Nghĩa,
ThS. Hồ Đắc Quốc Hùng, ThS. Phan Thanh Hùng*
91. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THỂ LỰC CHO NỮ VẬN ĐỘNG VIÊN VOVINAM LỨA TUỔI 15-16 HUYỆN CỬ CHI TP.HCM..... 628
TS. Nguyễn Thị Hoàng Dung, ThS. Nguyễn Hoàng Tấn, CN. Ngô Quốc Đại
92. XÁC ĐỊNH CÁC CHỈ SỐ, TEST TRONG TUYỂN CHỌN NAM VẬN ĐỘNG VIÊN NĂNG KHIẾU CẦU LÔNG GIAI ĐOẠN HUẤN LUYỆN BAN ĐẦU LỨA TUỔI 8-9 TẠI CÂU LẠC BỘ CẦU LÔNG BÌNH TRUNG, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH..... 632
*ThS. Trương Thị Tuyết Châu, TS. Đoàn Kim Bình,
ThS. Võ Quang Trung, ThS. Trần Thụy Ngọc Minh*

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ TRONG GIAI ĐOẠN BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19

TS. Lê Cát Nguyên, TS. Lê Trần Quang,
ThS. Phạm Đức Thanh, ThS. Nguyễn Đôn Công Uy
Đại học Huế

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này là tìm hiểu thực trạng để làm cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa (TDTTNK) cho sinh viên (SV) Đại học (ĐH) Huế trong giai đoạn bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát 40 cán bộ, giảng viên và 459 SV của các trường thành viên và trường Du lịch thuộc ĐH Huế. Số liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 22.0. Từ kết quả điều tra thực trạng, chúng tôi đã đề xuất 5 nhóm giải pháp để nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV ĐH Huế.

Từ khóa: Thực trạng, thể dục thể thao ngoại khóa, sinh viên Đại học Huế, Covid-19.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoạt động TDTTNK có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển thể chất cũng như làm phong phú đời sống tinh thần của SV. Trong những năm qua, Hội thể thao ĐH và Chuyên nghiệp (TTĐH&CN) Huế, các Hội cơ sở cùng với Khoa GDTC đã rất nỗ lực tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, việc tổ chức hoạt động TDTTNK gặp rất nhiều khó khăn do những ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Đây là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu để tìm giải pháp khắc phục. Trong bài báo này, chúng tôi tập trung tìm hiểu thực trạng tổ chức hoạt động TDTTNK ở ĐH Huế từ khi dịch Covid-19 bùng phát tại Thừa Thiên Huế (02/2020). Kết quả khảo sát là cơ sở để phân tích, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong việc tổ chức hoạt động TDTTNK trong giai đoạn hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV ĐH Huế.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp phỏng vấn gián tiếp bằng phiếu (anket)

Nội dung bảng hỏi về thực trạng tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV ĐH Huế được xây dựng dựa trên Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường [1]; Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL của Bộ VH, TT&DL quy định về đánh giá phong trào TDTT quần chúng [2]; kết hợp với phân tích một số công trình nghiên cứu liên quan [3, 6, 7]. Sau đó, chúng tôi sử dụng phương pháp chuyên gia để mời các chuyên gia góp ý, chỉnh sửa cho bảng hỏi (10 chuyên gia gồm 01 GS, 01 PGS, 07 TS, 01 ThS). Căn cứ trên ý kiến góp ý của các chuyên gia, chúng tôi hoàn thiện bảng hỏi để áp dụng khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV tại ĐH Huế. Mẫu khách thể khảo sát bao gồm 40 cán bộ quản lý, cán bộ phong trào TDTT ở các đơn vị, GV Khoa GDTC (*sau đây gọi chung là CB*,

GV) và 459 SV ĐH Huế. Mẫu khách thể khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên và rải đều ở các đơn vị để đảm bảo tính ngẫu nhiên và mang tính đại diện. Chúng tôi sử dụng thang đo 3 bậc (từ 1 đến 3). Căn cứ vào điểm trung bình (ĐTB) của các nội dung khảo sát để đưa ra nhận định. Nội dung nào có ĐTB cao thể hiện nội dung đó đang được thực hiện tốt. Khoảng phân biệt giữa các mức độ là 0,67 [theo công thức $(\text{Max} - \text{Min})/n$]. Như vậy, ĐTB quy ước cho các mức độ là: Mức 1 (thấp nhất): $1 \leq \text{ĐTB} < 1,67$ (chưa tốt/ không đồng ý); Mức 2: $1,67 \leq \text{ĐTB} < 2,34$ (bình thường/ phân vân); Mức 3 (cao nhất): $2,34 \leq \text{ĐTB} \leq 3$ (tốt/ đồng ý). Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 12/2020 đến tháng 05/2021.

Phương pháp tọa đàm [5]

Chúng tôi tổ chức một cuộc thảo luận nhóm trọng tâm có 10 đại biểu tham gia gồm: đại diện Hội TTĐH&CN Huế, đại diện lãnh đạo và GV Khoa GDTC, đại diện các đơn vị trong ĐH Huế, đại diện SV ĐH Huế. Mục đích nhằm thu thập thông tin liên quan đến việc đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, tiềm năng và những khó khăn, thách thức trong quá trình tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV ĐH Huế trong bối cảnh hiện nay. Kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi là cơ sở để thiết kế đề cương thảo luận. Thời gian thảo luận nhóm trọng tâm: tháng 6/2021.

Phương pháp toán học thống kê

Chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để nhập và xử lý số liệu, lập bảng, biểu nhằm phân tích ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) để đưa ra kết luận của các kết quả nghiên cứu.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1 Thực trạng công tác lập kế hoạch và chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế

- Thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động TDTTNK cho SV ĐH Huế

Lập kế hoạch là chức năng cơ bản nhất trong các chức năng quản lí, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển và tồn tại của mỗi tổ chức [4, tr. 36]. Chúng tôi tiến hành khảo sát CB, GV với 3 nội dung thể hiện nội hàm của công tác này được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1: Đánh giá của cán bộ, giảng viên về công tác lập kế hoạch tổ chức hoạt động TDTTNK

TT	Nội dung	CB, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Kế hoạch hoạt động của Hội TTĐH&CN Huế và các Hội thể thao cơ sở được xây dựng đồng bộ theo tháng, quý và cả năm	2,84	0,45
2	Kế hoạch hoạt động của Hội TTĐH&CN Huế và các Hội thể thao cơ sở được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn	2,53	0,56
3	Hằng năm, Hội TTĐH&CN Huế và các Hội cơ sở có kế hoạch sử dụng, cải tạo CSVC, xây dựng, mua mới trang thiết bị, dụng cụ TDTT	2,06	0,59
Trung bình chung		2,48	0,53

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, nhìn chung CB, GV đánh giá công tác lập kế hoạch (KH) tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế được thực hiện tốt (ĐTB = 2,48, mức 3). Ngoài ra, chúng tôi tiến hành khảo sát SV với các nội dung được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2: Đánh giá của sinh viên về công tác lập kế hoạch hoạt động TDTTNK

TT	Nội dung	CB, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	KH hoạt động TDTTNK được xây dựng theo từng năm, từng quý, từng tháng	2,41	0,56
2	KH hoạt động TDTTNK được xây dựng phù hợp với nhu cầu, sở thích của SV	2,19	0,78
3	KH hoạt động TDTTNK được triển khai đến SV qua nhiều kênh khác nhau	2,46	0,54
Trung bình chung (TBC)		2,35	0,63

Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung SV đánh giá công tác lập KH hoạt động TDTTNK cho SV ĐH Huế đang được thực hiện tốt (ĐTB = 2,35). Tuy vậy, có 01 nội dung được SV đánh giá ở mức trung bình là “KH hoạt động TDTTNK được xây dựng phù hợp điều kiện thực tiễn và phù hợp với nhu cầu, sở thích của SV”. Khi được hỏi về nguyên nhân, một số SV cho biết do KH hoạt động của Hội TTDH & CN Huế và Hội cơ sở mới chỉ tập trung tổ chức hoạt động thi đấu môn bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... trong khi SV ĐH Huế còn có nhu cầu tập luyện và thi đấu nhiều môn thể thao khác. Đây là vấn đề cần quan tâm cải thiện để việc lập KH cũng như tổ chức các hoạt động TDTTNK cho SV ĐH Huế được thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

- Thực trạng công tác chỉ đạo, tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV ĐH Huế

Bảng 3: Đánh giá của cán bộ, giảng viên về công tác chỉ đạo, tổ chức hoạt động TDTTNK

TT	Nội dung	CB, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Ban Giám đốc ĐH Huế, lãnh đạo các đơn vị luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV	2,38	0,60
2	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK dưới hình thức thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ	1,00	0,00
3	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK dưới hình thức các giờ tập theo CLB; các giờ tập theo đội tuyển thể thao của trường; các giờ tự tập luyện theo cá nhân/nhóm	2,26	0,71
4	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK dưới hình thức các giải thi đấu thể thao, các hoạt động giao lưu thể thao giữa các đơn vị	2,55	0,64
Trung bình chung (TBC)		2,05	1,95

Kết quả khảo sát cho thấy Ban Giám đốc ĐH Huế, lãnh đạo các đơn vị luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV (ĐTB = 2,38). Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tiến hành khảo sát SV theo các nội dung ở bảng 4.

Bảng 4: Đánh giá của sinh viên về công tác chỉ đạo, tổ chức hoạt động TDTTNK

TT	Nội dung	CB, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác GDTC và thể thao trường học được triển khai đầy đủ, kịp thời đến SV qua nhiều kênh khác nhau	1,95	0,62
2	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK dưới hình thức thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ	1,00	0,00
3	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK dưới hình thức các giờ tập theo CLB; các giờ tập theo đội tuyển thể thao của trường; các giờ tự tập luyện theo cá nhân/nhóm	2,12	0,57
4	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK dưới hình thức các giải thi đấu thể thao, các hoạt động giao lưu thể thao giữa các đơn vị	2,34	0,44
Trung bình chung (TBC)		1,85	0,41

Kết quả khảo sát cho thấy, nội dung “*Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK dưới hình thức thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ*” cả CB, GV lẫn SV đều đánh giá chưa thực hiện tốt (ĐTB =1), mặc dù đây là nội dung được Bộ GD&ĐT quy định (điều 4) [2].

2.2 Thực trạng về nội dung tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Đại học Huế

Nội dung tổ chức hoạt động TDTTNK của SV ĐH Huế được xác định dựa theo quy định của thông tư 48/2020/TT-BGDĐT (điều 3, điều 4, điều 5) [1].

Bảng 5: Đánh giá về nội dung tổ chức hoạt động tập luyện TDTTNK

TT	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Thành lập, quản lý, phát triển CLB TDTT tùy theo điều kiện thực tế của nhà trường và nhu cầu, sở thích của SV	1,61	0,59	1,64	0,48
2	Thành lập, duy trì tập luyện thường xuyên đội tuyển từng môn thể thao làm nòng cốt cho hoạt động thể thao của nhà trường	1,71	0,68	1,83	0,56
3	Tổ chức, duy trì thường xuyên tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ	1,00	0,00	1,00	0,00
4	Tổ chức giải thi đấu thể thao cho SV, nội dung và hình thức thi đấu phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý lứa tuổi và điều kiện CSVC của nhà trường	1,65	0,44	1,54	0,65
5	Tổ chức tư vấn, định hướng SV tham gia tập luyện và thi đấu các môn thể thao nhằm tăng cường thể lực, phát triển thể chất	2,10	0,59	1,86	0,62
6	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để sưu tầm các bài tập TDTT nhằm đa dạng hoá nội dung, hình thức luyện tập	1,65	0,72	1,66	0,75
Trung bình chung		1,62	0,50	1,59	0,51

Kết quả trình bày ở bảng 5 cho thấy có 04 nội dung được đánh giá chưa thực hiện tốt gồm: thành lập, quản lý các CLB ($\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 1,61$ và $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 1,64$); tổ chức tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ ($\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 1,00$ và $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 1,00$); tổ chức các giải thi đấu cho SV ($\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 1,65$ và $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 1,54$) và ứng dụng CNTT để đa dạng hoá nội dung, hình thức luyện tập ($\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 1,65$ và $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 1,66$). Nội dung tổ chức các đội tuyển tập luyện thường xuyên cũng chỉ được đánh giá ở mức trung bình. Kết quả khảo sát phản ánh đúng tình hình thực tế hiện nay khi một số đơn vị chưa có các CLB TDTT cho SV, hoặc có nhưng phải tạm dừng hoạt động do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Về việc tổ chức các giải thi đấu cho SV thì 02 năm trở lại đây gần như không thực hiện được (ĐH Huế chỉ tổ chức 01 giải bóng đá). Vấn đề ứng dụng CNTT cũng là vấn đề cần được quan tâm đầu tư, cải thiện vì từ trước đến nay, GV Khoa GDTC gần như không ứng dụng CNTT trong quá trình giảng dạy, huấn luyện. Còn nội dung “*Tổ chức, duy trì thường xuyên tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ*”, cả CB, GV lẫn SV đều đánh giá ở mức thấp nhất ($\text{ĐTB} = 1,00$).

3.3 Thực trạng về nguồn nhân lực tham gia tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế

Nguồn nhân lực nòng cốt tham gia tổ chức hoạt động TDTTNK là đội ngũ GV của Khoa GDTC và đội ngũ cán bộ phong trào TDTT tại các đơn vị [8].

Bảng 6: Đánh giá về đội ngũ giảng viên của Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

TT	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	GV của Khoa GDTC có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt yêu cầu công việc	2,84	0,44	2,64	0,55
2	Số lượng GV của Khoa GDTC đủ để đáp ứng nhu cầu tập luyện, thi đấu thể thao của SV ĐH Huế	2,26	0,85	2,77	0,47
3	GV Khoa GDTC có tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng tham gia công tác tổ chức, hướng dẫn, huấn luyện khi các đơn vị có nhu cầu	2,88	0,46	2,86	0,52
Trung bình chung (TBC)		2,66	0,58	2,76	0,51

Kết quả ở bảng 6 cho thấy, nhìn chung cả CB, GV lẫn SV đều đánh giá đội ngũ GV của Khoa GDTC ở mức tốt. Đây là một thế mạnh rất lớn cần được phát huy.

Bảng 7: Đánh giá về đội ngũ cán bộ phong trào TDTT tại các đơn vị thuộc ĐH Huế

TT	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Cán bộ TDTT tại các đơn vị có đầy đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn để làm công tác tổ chức, hỗ trợ hoặc hướng dẫn SV tập luyện TDTTNK	1,71	0,92	2,20	0,79
2	Số lượng cán bộ TDTT tại các đơn vị đủ để đáp ứng nhu cầu về công tác tổ chức, hỗ trợ hoặc tham gia hướng dẫn SV tập luyện TDTTNK	2,15	0,82	2,36	0,44
3	Các cán bộ TDTT có tinh thần trách nhiệm cao, nhiều kinh nghiệm, luôn tích cực tham gia công tác tổ chức và sẵn sàng hỗ trợ khi SV có nhu cầu	2,47	0,53	2,40	0,64
Trung bình chung (TBC)		2,11	0,76	2,32	0,62

Kết quả khảo sát cho thấy đội ngũ cán bộ phong trào TDTT có tinh thần trách nhiệm cao, nhiều kinh nghiệm, tuy nhiên năng lực chuyên môn về TDTT vẫn còn hạn chế.

2.4 Thực trạng điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế

Bảng 8: Đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động TDTT của SV ĐH Huế

TT	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Diện tích đất dành cho TDTT đáp ứng nhu cầu của SV ĐH Huế	1,69	0,83	1,60	0,57
2	Dụng cụ, trang thiết bị, tài liệu TDTT đáp ứng nhu cầu của SV	1,60	0,80	1,65	0,53
3	Số công trình TDTT đáp ứng nhu cầu tập luyện và thi đấu của SV	1,63	0,86	1,63	0,55
4	CSVC phục vụ hoạt động TDTT hằng năm được đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới để đáp ứng nhu cầu của SV	1,72	0,93	1,65	0,61
Trung bình chung		1,66	0,86	1,63	0,57

Kết quả cho thấy, nhìn chung cả CB, GV lẫn SV đều đánh giá điều kiện CSVC phục vụ hoạt động TDTT tại ĐH Huế ở mức chưa tốt. Đây là nội dung được đánh giá thấp nhất trong các nội dung đánh giá về thực trạng tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV ĐH Huế.

2.5 Thực trạng về nhận thức và mức độ thường xuyên tham gia hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Đại học Huế

Bảng 9: Thực trạng về nhận thức và mức độ thường xuyên tham gia hoạt động TDTTNK của SV ĐH Huế

TT	Nội dung	CB, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Tập luyện TDTTNK sẽ góp phần tăng cường sức khỏe, phát triển khả năng hoạt động TDTT, cải thiện tâm vóc, góp phần phòng chống bệnh tật	2,66	0,54
2	Anh/chị luôn quyết tâm khắc phục những khó khăn để tham gia tập luyện TDTTNK thường xuyên (01 tuần ít nhất 03 buổi, 01 buổi từ 30 phút trở lên)	1,64	0,69
3	Anh/chị thường xuyên được tiếp cận với những thông tin về lợi ích của việc tập luyện TDTT, về kế hoạch tổ chức hoạt động TDTTNK qua nhiều kênh khác nhau; các thông tin được chuyển tải kịp thời, nội dung phong phú, hình thức trình bày hấp dẫn, lôi cuốn	1,65	0,86
Trung bình chung (TBC)			

Theo kết quả khảo sát ở bảng 9, đa số SV đồng ý với nội dung “Anh/chị tham gia tập luyện TDTTNK để tăng cường sức khỏe, phát triển khả năng hoạt động TDTT, cải thiện tâm vóc, góp phần phòng chống bệnh tật” (ĐTB = 2,66), điều đó cho thấy đa phần SV có nhận thức đúng đắn về vai trò của việc tập luyện TDTT. Tuy nhiên nội

dung “Anh/chị luôn quyết tâm khắc phục những khó khăn để tham gia tập luyện TDTTK thường xuyên (01 tuần ít nhất 03 buổi, 01 buổi từ 30 phút trở lên)” SV chỉ đồng ý ở mức thấp (ĐTB = 1,64). Như vậy mặc dù SV có nhận thức đúng về vai trò, ý nghĩa của việc tập luyện TDTT nhưng các em vẫn còn thiếu quyết tâm khắc phục những khó khăn để tham gia thường xuyên. Bên cạnh đó công tác truyền thông cũng chưa được thực hiện tốt (ĐTB = 1,65). Đây là vấn đề cần quan tâm để có giải pháp thực hiện tốt hơn.

2.6 Thực trạng về một số yếu tố khác ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế

Ngoài các nội dung trên, chúng tôi nhận thấy có một số yếu tố khác có thể ảnh hưởng tiêu cực, chi phối hoạt động TDTTK của SV ĐH Huế. Chúng tôi đưa ra nội dung phỏng vấn gồm các nhận định tiêu cực được trình bày ở bảng 10 và tiến hành phân tích dựa trên mức độ tán thành (đồng ý) của CB, GV và SV.

Bảng 10: Đánh giá về một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động TDTT cho SV ĐH Huế

TT	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Thời tiết khắc nghiệt cản trở SV tham gia tập luyện TDTT thường xuyên	2,08	0,67	2,14	0,55
2	Dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động TDTTK của SV	3,00	0,00	2,94	0,12
3	Thời gian học và tham gia các hoạt động ở trường làm ảnh hưởng đến thời gian tham gia hoạt động TDTTK của SV	1,93	0,54	2,22	0,49
4	Điều kiện kinh tế khó khăn là một trong những nguyên nhân chính cản trở SV tham gia tập luyện các môn thể thao yêu thích	2,20	0,69	2,32	0,45
Trung bình chung		2,30	1,90	2,41	0,40

Kết quả khảo sát cho thấy trong các yếu tố trên thì dịch Covid-19 là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động TDTTK, ý kiến này được cả CB, GV lẫn SV tán thành ở mức cao (ĐTB_{CB, GV} = 3,00 và ĐTB_{SV} = 2,96). Các yếu tố còn lại đều được CB, GV và SV đánh giá có tác động ở mức trung bình (1,93 < ĐTB < 2,32).

3. KẾT LUẬN

Công tác tổ chức hoạt động TDTTK cho SV ĐH Huế từ tháng 02/2020 đến nay gặp nhiều khó khăn do những ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, cụ thể như: SV không tập trung học tập tại trường nên rất khó tổ chức hoạt động; các giải thi đấu thể thao không thể tổ chức thường xuyên; các CLB và địa điểm hoạt động TDTT tạm ngưng hoạt động hoặc phải hạn chế số lượng người tham gia; các giờ học GDTC bị gián đoạn hoặc phải chuyển sang hình thức trực tuyến... Ngoài ra, còn có những hạn chế khác như công tác tuyên truyền, quảng bá chưa được thực hiện tốt; việc ứng dụng CNTT vào công tác tổ chức hoạt động TDTTK còn yếu; điều kiện CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động TDTT còn thiếu thốn; SV chưa đủ quyết tâm để khắc phục những khó khăn để tham gia tập luyện một cách thường xuyên... Mặc dù vậy, bên cạnh những khó khăn đó, việc hoạt động TDTTK tại ĐH Huế cũng có nhiều thế

manh và cơ hội từ sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao, nhận thức đúng đắn của SV về vai trò, ý nghĩa của hoạt động TDTT.

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, chúng tôi nhận thấy cần phải có những tác động phù hợp để nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động TDTTNK tại ĐH Huế trong giai đoạn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Theo đó, chúng tôi đề xuất thực hiện 5 nhóm giải pháp sau: (1) Ứng dụng CNTT, phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội SV để nâng cao hiệu quả công tác quảng bá, tuyên truyền nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của SV về vai trò, ý nghĩa của hoạt động TDTT; (2) Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ cho CB, GV TDTT; (3) Nghiên cứu các văn bản liên quan để tham mưu cho Ban giám đốc ĐH Huế, lãnh đạo các đơn vị xây dựng và ban hành các văn bản về chế độ chính sách cho CB, GV khi tham gia tổ chức hoạt động TDTTNK. Có chế độ khen thưởng hợp lý cho những SV có thành tích xuất sắc trong hoạt động TDTT; (4) Khai thác tối đa các nguồn lực trong và ngoài ĐH Huế triển khai đa dạng các nội dung hoạt động TDTTNK cho SV như: xây dựng các CLB TDTT, thành lập và duy trì thường xuyên các đội tuyển thể thao; tổ chức các giải thi đấu thể thao, hoạt động giao lưu thi đấu thể thao các đơn vị một cách thường xuyên, liên tục và đa dạng các môn thể thao để đáp ứng sở thích, nhu cầu của SV. Tăng cường ứng dụng CNTT để tổ chức, hỗ trợ, hướng dẫn SV tự tập luyện TDTT thường xuyên tại nhà; (5) Đẩy mạnh xã hội hóa TDTT, phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân bên ngoài ĐH Huế theo phương châm hợp tác đôi bên cùng có lợi để thu hút các nguồn lực nhằm tăng cường CSVC tại ĐH Huế, kêu gọi tài trợ để tăng kinh phí tổ chức hoạt động cũng có cơ chế tài chính ưu đãi cho SV ĐH Huế khi sử dụng các dịch vụ TDTT có thu phí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020*.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2019), *Thông tư số: 01/2019/TT-BVHTTDL quy định về đánh giá phong trào TDTT quần chúng ban hành ngày 17 tháng 01 năm 2019*.
3. Phùng Xuân Dũng (2017), *Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động NDTTNK cho sinh viên trường ĐHSP TDTT Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
4. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Finch H, Lewis J (2003). *Focus groups*. In: *Ritchie J, Lewis J, eds*. Truy cập ngày 21 tháng 3 năm 2021 từ <https://mthoyibi.files.wordpress.com/2011/10/qualitative-research-practice-a-guide-for-social-science-students-and-researchers_jane-ritchie-and-jane-lewis-eds_20031.pdf>
6. Nguyễn Găng (2016), *Nghiên cứu xây dựng mô hình CLB TDTT liên kết giữa ĐH Huế và các tổ chức TDTT trên địa bàn TP Huế*, Luận án tiến sĩ, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
7. Lê Thanh Hà (2018), *Nghiên cứu mô hình CLB cầu lông trong một số trường ĐH trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Trường ĐH TDTT Bắc Ninh.
8. Hội TTDH&CN Huế (2019), *Báo cáo số 30/BC-HTT ngày 24 tháng 3 năm 2019 về Báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ 2012-2017, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2017-2022*.

* **Nguồn bài báo:** Bài báo được trích từ đề tài “Nâng cao chất lượng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế”, đề tài KH&CN cấp Đại học Huế năm 2019.

